TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
**KHOA KHOA HỌC ĐẠI CƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Anh văn 1
Trình độ đào tạo: Đại học

## 1. Thông tin tổng quát (General information)

| | |
|---|---|
| Tên học phần: | Anh văn 1 |
| Tiếng Việt: | Anh văn 1 |
| Tiếng Anh: | English 1 |
| Mã số học phần: | 11 13 1 4 006 |
| Thời điểm tiến hành: | |
| Loại học phần: | |
| ■ Bắt buộc<br>☐ Tự chọn | |
| Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:<br>■ Kiến thức giáo dục đại cương<br>☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành<br>☐ Kiến thức ngành<br>☐ Kiến thức chuyên ngành<br>☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp | |
| Số tín chỉ: | 03 tín chỉ |
| Giờ tín chỉ đối với các hoạt động | 45 tiết |
| Số tiết lý thuyết: | 43 tiết |
| Số tiết bài tập: | 0 tiết |
| Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm: | 0 tiết |
| Số tiết thực tập: | 0 tiết |
| Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH: | 0 tiết |
| Kiểm tra: | 2 tiết |
| Thời gian tự học: | 100 tiết |
| Điều kiện tham dự học phần: | Không có |
| Học phần tiên quyết: | x |

| | |
|---|---|
| Học phần song hành: | |
| Điều kiện khác: | |
| Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: | Khoa Khoa học Đại cương/Bộ môn Ngoại ngữ |

## 2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp cận với học phần Anh văn chuyên ngành, và vận dụng trong công việc sau này.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Trang bị cho sinh viên một cách hệ thống các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp, kỹ năng nghe và đọc, làm cơ sở giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu để có thể tiếp cận với bài thi TOEIC quốc tề cũng như có kỹ năng giao tiếp để vận dụng trong công việc sau này.

| **Mục tiêu học phần** ***(CGs)*** | **Mô tả** ***(Course goal description)*** *(Học phần này trang bị cho sinh viên:)* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** (ELOs) |
|---|---|---|
| **CG1** | Hệ thống các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp (TOEIC) | ELO2, ELO6, ELO11, ELO12 |
| **CG2** | Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu trong TOEIC | ELO2, ELO6, ELO11, ELO12 |
| **CG3** | Tìm hiểu và tiếp cận bài thi TOEIC quốc tế | ELO2, ELO6, ELO11, ELO12 |
| **CG4** | Kỹ năng giao tiếp và vận dụng trong công việc sau khi tốt nghiệp | ELO11, ELO12 |

## 4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

CĐR học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà SV tốt nghiệp cần phải có sau khi ra trường. CĐR của mỗi học phần phải đáp ứng một hay một vài chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và ngược lại.

| **Chuẩn đầu ra HP** *[1]* | **Mô tả CĐR học phần** *[2]* *(Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** *[3]* |
|---|---|---|
| **CELO1** | Kiến thức: nắm được các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp | ELO2, ELO6, ELO11, ELO12 |
| **CELO2** | Kỹ năng và mức tự chủ: rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu | ELO2, ELO6, ELO11, ELO12 |

| | | |
|---|---|---|
| **CELO3** | Tự chịu trách nhiệm: vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng đã rèn luyện để tiếp tục tự học tập nghiên cứu, và có thể tiếp cận với bài thi TOEIC quốc tề. | ELO11, ELO12 |

*Ghi chú:* *Nhóm chuẩn đầu ra kiến thức: CELO1 – CELO2*
*Nhóm chuẩn đầu ra kỹ năng: CELO1 – CELO2*
*Nhóm mức độ tự chủ và trách nhiệm: CELO1 – CELO3*

**Ma trận mối quan hệ giữa CĐR học phần (CELOs) và CĐR của CTĐT (ELOs)**

| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT** | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **ELO2** | **ELO6** | **ELO11** | **ELO12** |
| **CELO1** | H | M | H | M |
| **CELO2** | H | M | H | M |
| **CELO3** | - | - | M | M |

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

## 5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

### 5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

**PP1. Phương pháp thuyết trình**: giúp sinh viên đạt CĐR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kĩ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

**PP2. Phương pháp động não**: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy sáng tạo và giải pháp và đề xuất;

**PP3. Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ**: giúp đạt được chuẩn đầu về cấu trúc giao tiếp; tư duy suy xét, phản biện;

**PP5. Phương pháp hoạt động nhóm**:giúp đạt được chuẩn đầu về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

**Phương pháp học tập:**

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tham khảo tài liệu liên quan đến môn học;
- Làm việc nhóm;

### 5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

**5.2.1 Điểm đánh giá:**

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

***- Điểm đánh giá quá trình:***

+ Trọng số: 30%, bao gồm: 01 bài kiểm tra giữa kỳ - bắt buộc; ngoài ra có thể đánh giá dựa trên điểm chuyên cần, và điểm bài tập… (tùy thuộc vào cách đánh giá của từng giảng viên)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm■ Thảo luận nhóm☐ Bài tập lớn☐ Thực hành☐ Khác☐

***- Điểm thi kết thúc học phần:***

+ Trọng số: 70%, bao gồm: 01 bài thi KTHP

+ Hình thức thi:

Tự luận☐ Trắc nghiệm■ Thực hành☐ Khác☐

**5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)**

| **Thành phần đánh giá [1]** | **Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]** | **Nội dung đánh giá [3]** | **CĐR học phần (CELO.x.x) [4]** | **Số lần đánh giá / thời điểm [5]** | **Tiêu chí đánh giá [6]** | **Phương pháp đánh giá [7]** | **Tỷ lệ (%) [8]** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **A1. Đánh giá giữa kỳ** | A1.1 | Unit 1 | CELO1,2 | 1 lần | 40 câu /100 điểm | Trắc nghiệm khách quan (lựa chọn phương án đúng) | 30% |
| | A1.2 | Unit 2 | | | | | |
| | A1.3 | Unit 5 | | | | | |
| | A1.4 | Unit 6 | | | | | |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | A2.1 | Unit 1 | CELO1,2,3 | 1 lần | 40 câu /100 điểm | Trắc nghiệm khách quan (lựa chọn phương án đúng) | 70% |
| | A2.2 | Unit 2 | | | | | |
| | A2.3 | Unit 3 | | | | | |
| | A2.4 | Unit 4 | | | | | |
| | A2.5 | Unit 5 | | | | | |
| | A2.6 | Unit 6 | | | | | |
| | A2.7 | Unit 7 | | | | | |

**6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần**

| Tuần | Nội dung | PPGD chính | Số tiết | Chuẩn đầu ra của học phần |
|---|---|---|---|---|
| 1 | **Unit 1: Listening Test Part 1 – Photographs** | - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp | **4** | |
| | ***A/* Các nội dung chính trên lớp***:*<br>- *Nouns and verbs*<br>- *Using the picture to predict what you will hear*<br>- *Describing movement* | | | **CELO1,2** |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**:<br>- *Practice Test 1 – Part 1 – Photograps* | | | **CELO1,2,3** |
| 2 | **Unit 2: Listening Test Part 2 – Question/Response** | - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp | **5** | |
| | ***A/* Các nội dung chính trên lớp***:*<br>- *Requests*<br>- *Thinking about meaning and avoiding common distractors*<br>- *Tag questions* | | | **CELO1,2** |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**:<br>- *Practice Test 1 – Part 2 – Question-Response* | | | **CELO1,2,3** |
| 3 | **Unit 3: Listening Test Part 3 – Conversations** | - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp | **5** | |
| | ***A/* Các nội dung chính trên lớp***:*<br>- *Offers and suggestions*<br>- *Using content words to predict what you will hear*<br>- *Paraphrasing* | | | **CELO1,2** |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**:<br>- *Practice Test 1 – Part 3 - Conversations* | | | **CELO1,2,3** |
| 4 | **Unit 4: Listening Test Part 4 – Talks** | - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp | **5** | |
| | ***A/* Các nội dung chính trên lớp***:*<br>- *Announcements*<br>- *Using content words to predict what you will hear*<br>- *Who and Where questions* | | | **CELO1,2** |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**:<br>- *Practice Test 1 – Part 4 - Talks* | | | **CELO1,2,3** |
| 5 | **Unit 5: Reading Test Part 5 – Incomplete sentences** | - PP thuyết trình, động | **8** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | ***A/* Các nội dung chính trên lớp***:*<br>- *Talking about the future*<br>- *Managing your time effectively with the 2-pass method*<br>- *Talking about the pass* | não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp | | **CELO1,2** |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**:<br>- *Practice Test 1 – Part 5 – Incomplete Sentences* | | | **CELO1,2,3** |
| 6 | **Unit 6: Reading Test Part 6 – Text completion** | - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp | **6** | |
| | ***A/* Các nội dung chính trên lớp***:*<br>- *Parts of speech*<br>- *Using your time wisely*<br>- *Identifying the correct part of speech* | | | **CELO1,2** |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**:<br>- *Practice Test 1 – Part 6 – Text Completion* | | | **CELO1,2,3** |
| 7 | **Unit 7: Reading Test Part 7 – Reading comprehension** | - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp | **10** | |
| | ***A/* Các nội dung chính trên lớp***:*<br>- *Answering the easy questions first*<br>- *Answering specific information questions*<br>- *Using context to answer vocabulary questions* | | | **CELO1,2** |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**:<br>- *Practice Test 1 – Part 7 – Reading Comprehension* | | | **CELO1,2,3** |
| 8 | ***Tactics Review*** | - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp | **2** | **CELO1,2,3** |

**Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần**

| **Bài học (Module)** | **Chuẩn đầu ra học phần** | | |
|---|---|---|---|
| | **CELO1** | **CELO2** | **CELO3** |
| **Module 1** | H | M | L |
| **Module 2** | H | M | L |
| **Module 3** | H | M | L |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Module 4** | H | M | L |
| **Module 5** | H | M | L |
| **Module 6** | H | M | L |
| **Module 7** | H | M | L |
| **Module 8** | L | H | H |

**H: High M: Medium L: Low**

**7. Tài liệu học tập**

**7.1. Tài liệu chính:**

Grand Trew, TACTICS FOR THE TOEIC TEST Listening and Reading Test: Introductory Course, Oxford University Press, 2013

**7.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Lin Lougheed, Preparation series for the New Toeic Test: Introductory Course, Fourth edition, Longman, 2010.

2. Anne Taylor, TOEIC Analyst. Second edition, NXB Tổng hợp TPHCM, 2015

3. Anne Tayior, Garrett Byrne, VERY EASY TOEIC Second edition, NXB Tổng hợp TPHCM, 2015

**8. Quy định của học phần**

***8.1. Quy định về tham dự lớp học***

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 30% số tiết học trở lên, dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

***8.2. Quy định về hành vi lớp học***

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

***8.3. Quy định về tự học***

Sinh viên trước và sau mỗi bài học trên lớp cần dành thời gian đọc bài, làm bài tập nhóm theo yêu cầu môn học

Thời gian tự học dành cho môn học tối thiểu 100 tiết

Sinh viên vắng 1 buổi học trên lớp tự học phần kiến thức vắng mặt và liên lạc với các bạn trong nhóm để học và bổ sung kiến thức

***8.4. Quy định về học vụ***

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

***8.5. Quy định phản hồi thông tin***

Sinh viên tham gia phản hồi ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên về môn học và chất lượng đào tạo của khoa theo đường link sau đây vào cuối kỳ.

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScwei1Az3E-s1pLTDfwqjAshALX4Vz5b61jcCmYgHG-Aul48w/viewform

**9. Giảng viên phụ trách môn học**

- Giảng viên phụ trách môn học: ThS. Nguyễn Lương Tấn Dũng

- Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Nguyễn Lương Tấn Dũng, ThS. Tô Thị Lệ.

- Địa điểm liên lạc: Văn phòng Khoa Khoa học Đại Cương – Phòng B208 – Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM - 236 B Lê Văn Sỹ - Phường 01 – Quận Tân Bình – Tp HCM

**10. Ngày phê duyệt: 02/07/2020**

| TRƯỞNG KHOA | TRƯỞNG BỘ MÔN | NGƯỜI BIÊN SOẠN |
|---|---|---|
| Lý Cẩm Hùng | Nguyễn Lương Tấn Dũng | Tô Thị Lệ |